

**Exercise 1. Choose the correct word/phrase for each given picture.**

(Chọn từ/cụm từ phù hợp với tranh.)

1.  a) book  
b) apple
2.  a) milk  
b) desk
3.  a) bal  
b) ball
4.  a) milk  
b) bag

**Exercise 2 Read and choose the correct pictures.**

(Đọc và chọn bức tranh đúng.)

1. I have an apple.



2. This is my cup.



3. I like dogs.



4. It's a door.



5. I like milk.



**Exercise 3. Read and choose the correct pictures.**

(Đọc và chọn bức tranh đúng.)

1. I have a car.

a)



b)



2. This is my bag.

a)



b)

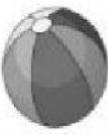


3. It's a ball.

a)



b)



4. I like chips.

a)



b)



(Chọn đáp án đúng.)

1.



a) Hi. This is Tom.

b) Hi. I'm Ann.

2.



a) I have a cake.

b) This is my bag.

3.



a) This is a door.

b) It's a desk.

4.



a) I like chips.

b) I like fish.

5.



a) I has a hat.

b) I have a hat.

**Exercise 4. Reorder the words to make sentences.**

(Sắp xếp các chữ thành câu có nghĩa.)

1. a/ have/ hat/ I/ .

.....



2. my/ This/ dog/ is/ .

.....



3. chips/ like/ I/ .

.....



4. a/ It's/ door/ .

.....



5. is/ car/ This/ a/ .

.....



orhse

esdk

ckenchi

1. ....

2. ....

3. ....

dengar

toag

picenl

4. ....

5. ....

6. ....

There/ a/is/ girl.

It / a/ red/is/car.

7. ....

8. ....

This/ my/is/ desk.

have/ I/ a/ cake.

9. ....

10. ....